

Bản án số: 07 /2019/HS-ST
Ngày 08 tháng 8 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Chiêu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thòả, ông Lý A Tôn.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạng là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh H tham gia phiên toà: Ông Ma Phúc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2019/TLST-HS ngày 30/5/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HS ngày 12/7/2019, đối với bị cáo:

- Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1977, tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn N, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953; Có vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1975 và con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2008; nhân thân: Ngày 01/11/2017 bị UBND thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác khoáng sản với mức phạt tiền là 4.000.000đ theo Quyết định số 171/QĐ-UBND, hiện chưa được coi là chưa bị xử phạt hành chính; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt.

- *Bị hại: Ly Mí Q (đã chết)*

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ly Vàng G, sinh năm 1976*

Trú tại: Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh H.

(Là bố đẻ của bị hại Ly Mí Q)

Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Nguyên đơn dân sự: UBND thị trấn Y, người đại diện theo pháp luật ông Lại Quang T6 - Chủ tịch UBND thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H.*

Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Mua Mí T1, sinh năm 1999

Trú tại: Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh H.

Vắng mặt không có lý do.

2. Hầu Mí P, sinh năm 1988

Trú tại: Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh H.

Vắng mặt không có lý do.

3. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1984

Trú tại: Thôn N, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H

Có mặt.

Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Chảo Mí H.

Trú tại: Tổ 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian tháng 01/2019 Nguyễn Văn T có tổ chức khai thác đá nhưng chưa làm thủ tục xin cấp giấy phép khai thác theo quy định tại khu vực bãi đá thuộc thôn N; khoảng 07 giờ sáng ngày 23 tháng 01 năm 2019, Nguyễn Văn T gọi điện thoại bảo những người làm thuê cho mình (*theo hợp đồng bằng miệng*) gồm Mẹ T3 (*chưa xác định được họ và tên khai sinh, địa chỉ cụ thể của người này ở đâu*); Ly Mí Q sinh năm 2002; Hầu Mí P, sinh năm 1998; Mua Mí T1, sinh năm 1999; Hầu Mí T4, sinh năm 1996 cùng trú tại thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh H cùng nhau đi lên khu vực bãi đá của mình để khai thác đá (*gom đá*). Đến khoảng 08 giờ sáng cùng ngày T đi xuống khu vực bãi đá và điều khiển xe tải ben mang biển kiểm soát 23T-2398 đến khu bãi đá để cho mọi người bốc đá lên thùng xe. Sau khi bốc đầy thùng xe thì T bảo mọi người là cho bốn người đi ra để nghiền đá, còn một người ở lại để tiếp tục gom đá. Rồi T điều khiển xe ô tô đi ra chỗ máy nghiền đá ở khu vực thôn T, thị trấn Y, huyện Y; lúc này mẹ T3, cùng với T4 và P đi ra cùng để nghiền đá, còn Q và T1 ở lại khu bãi đá để tiếp tục gom đá. Sau khi Thạch khởi động máy nghiền đá xong, mẹ Tủa, cùng với Tủa và Phứ cho đá vào máy nghiền. Được một lúc sau Thạch bảo Phứ lên đón Thè xuống để giúp nghiền đá, còn T tiếp tục điều khiển xe tải ben lên khu bãi đá để tiếp tục chở đá, lúc này Q vẫn đang ở khu bãi đá để gom đá. Sau đó, T điều khiển máy đào bánh xích của Nguyễn Văn T5 ở cùng thôn để ở đó đến để xúc đá lên xe tải ben rồi tiếp tục điều khiển xe tải ben chở đá ra khu vực máy nghiền đá. Lúc này, mẹ T3 đang đi lấy rau lợn nhìn thấy khu bãi đá Q đang làm có đá sạt lở ở sườn đồi

xuống nên gọi điện cho T nói là thấy đá lở ở sườn đồi xuống, nhưng không thấy Q đâu. Lúc này T vừa điều khiển xe đi được một đoạn nên đã dừng xe và đi bộ đến khu bãi đá, còn mẹ T3 cũng đi đến thì thấy khu vực bãi đá có một đồng đá vừa bị sạt ở trên sườn đồi xuống; T vào nhìn bên trong đồng đá thì thấy chân phải của Q thò ra liền thò tay qua khe hở của đồng đá sờ vào cổ của Q thì phát hiện Q đã chết. Sau đó, T gọi điện cho em trai là Nguyễn Văn T2 đến điều khiển máy đào bánh xích để xúc đồng đá đưa thi thể Q ra; sau đó Th đến Công an huyện Y, tỉnh H trình báo sự việc.

Kết quả khám nghiệm hiện trường và điều tra xác minh xác định nguyên nhân dẫn đến cái chết của Ly Mí Q là do trong quá trình Nguyễn Văn T tổ chức khai thác đá trái phép làm đá sạt lở đè lên người Ly Mí Q dẫn đến chết. Tại hiện trường Cơ quan điều tra thu giữ được 1,44m³ đá tảng (*đá nguyên khai*) và 7,66m³ đá hộc đều là đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường; cùng số dụng cụ sử dụng vào việc khai thác đá trái phép gồm: 03 chiếc búa tạ; 03 chiếc quốc; 01 chiếc xẻng; 01 chân dép bên phải; 01 đoạn cây gỗ dài 2,53m.

Tại bản Kết luận giám định pháp y tử thi số: 104/KL-PC09 ngày 12 tháng 02 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H, kết luận nguyên nhân chết của anh Ly Mí Q: “Chấn thương ngực, vỡ động mạch chủ, trên người đa vết thương”.

Tại bản Kết luận định giá tài sản tố tụng hình sự số: 05/KL-HĐĐG ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Y, kết luận: 1,44m³ đá tảng (*đá nguyên khai*) và 7,66m³ đá hộc đều là đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường có tổng giá trị tại thời ngày 23/01/2019 là 1.537.500đ.

Quá trình điều tra xác định vào ngày 30/10/2017, UBND thị trấn Y, huyện Y lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực khoáng sản và lập Biên bản về việc đề nghị ngừng việc khai thác đá trái phép đối với Nguyễn Văn T. Ngày 01/11/2017 UBND thị trấn Y, huyện Y ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác khoáng sản đối với Nguyễn Văn T, với mức phạt tiền là 4.000.000đ theo Quyết định số 171/QĐ-UBND, hiện chưa được coi là chưa bị xử phạt hành chính.

Ngày 24/4/2019 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H có Công văn số: 531 xác định tại thời điểm hiện tại Nguyễn Văn T không có hồ sơ đề nghị đăng ký khai thác, cấp phép khai thác tài nguyên khoáng sản (*đá*) nộp đến Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm hành chính công tỉnh H để tiếp nhận, thụ lý giải quyết; Nguyễn Văn T chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác

khoáng sản (đá) theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

Vật chứng của vụ án gồm: 1,44m³ đá tảng (đá nguyên khai) và 7,66m³ đá hộc đều là đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường; 03 chiếc búa tạ, cán bằng ống nhựa, đã qua sử dụng; 03 chiếc quốc, cán làm bằng gỗ, đã qua sử dụng; 01 chiếc xẻng, cán làm bằng gỗ, đã qua sử dụng; 01 chân dép bên phải, loại dép tổ ong, dính nhiều bùn đất; 01 đoạn cây gỗ dài 2,53m.

Sau khi sự việc xảy ra làm anh Ly Mí Q chết, Nguyễn Văn T đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường dân sự cho gia đình bị hại Ly Mí Q được tổng số tiền là 56.000.000đ. Hiện người đại diện hợp pháp cho người bị hại Ly Mí Q ông Ly Vàng G là bố đẻ của Q không có đề nghị bồi thường gì thêm về phần dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Văn T.

Trong quá trình điều tra, nguyên đơn dân sự là UBND thị trấn Y, người đại diện theo pháp luật ông Lại Quang T6 - Chủ tịch UBND thị trấn Y không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì về phần dân sự. Tuy nhiên yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T phải khắc phục môi trường, nạo vét lòng suối do hành vi khai thác đá trái phép của mình gây ra.

Tại bản cáo trạng số: 09/CT-VKS-YM ngày 28/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 227 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên Tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên”; đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 227; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn T từ 24 đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại có ý kiến cho rằng việc bồi thường đã thỏa đáng nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm; Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự cho rằng bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn không có khả năng bồi thường thiệt hại cho nhà nước do vậy không đề nghị bị cáo phải bồi thường.

Về án phí đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, đồng thời rất ân hận về hành vi của mình không có ý kiến tranh luận gì và nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử, do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn T phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập và lưu trong hồ sơ vụ án gồm biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh khám nghiệm tử thi... Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ sáng ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại bãi khai thác đá trái phép thuộc thôn N, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H; bị cáo Nguyễn Văn T là người đã bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác khoáng sản hiện chưa được coi là chưa bị xử phạt hành chính, tuy chưa được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép cho khai thác khoáng sản (đá) làm vật liệu xây dựng thông thường theo quy định, nhưng vẫn tổ chức thuê người thu gom, khai thác đá để đem đi nghiền ra thành bột đá nhằm mục đích để sử dụng và bán kiếm lời; hậu quả trong quá trình khai thác đá thuê, anh Ly Mí Q sinh năm 2002, trú tại thôn Lũng Màng, xã Mậu Long, huyện Y, tỉnh H bị đá lăn đè lên người chết tại chỗ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T đã xâm phạm trực tiếp đến quy định của Nhà nước trong quản lý tài nguyên và môi trường, cụ thể là các hoạt động nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên ở Việt Nam; vi phạm Điều 36, Điều 53 và Điều 62 Nghị định số: 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; vi phạm khoản 3 Điều 8, khoản 2 Điều 51 và Điều 64 của Luật Khoáng sản năm 2010, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quy định của Nhà nước trong quản lý tài nguyên và môi trường, cụ thể là các hoạt động nghiên cứu, thăm dò, khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường trong đất liền, việc khai thác đá là một trong những hoạt động sản xuất có tác động tiêu cực tới môi trường trong đó quan trọng nhất là cảnh quan, địa hình, hệ sinh thái khu vực; mặt khác bị cáo là người có đủ năng lực nên nhận thức được tài nguyên khoáng sản được nhà nước quản lý muốn khai thác phải được cấp phép, tuy nhiên do muốn có nguyên liệu để sử dụng làm vật liệu xây dựng nên bị cáo đã bất chấp pháp luật để khai thác đá trái

phép hậu quả làm chết 01 người, do vậy HĐXX thấy rằng phải xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra . Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội đồng thời phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về tình tiết định khung tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên đã có đơn xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mặt khác là người dân tộc thiểu số dẫn đến nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế; ngoài ra bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản, không có nghề nghiệp ổn định nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung và phạt tiền, do vậy đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 3 Điều 227 của BLHS năm 2015.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của bị hại và đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường do vậy HĐXX không xem xét

[8] Về vật chứng: Gồm 03 chiếc búa tạ, cán bằng ống nhựa, đã qua sử dụng; 03 chiếc quốc, cán làm bằng gỗ, đã qua sử dụng; 01 chiếc xẻng, cán làm bằng gỗ, đã qua sử dụng; 01 chân dếp bên phải, loại dếp tổ ong, dính nhiều bùn đất; 01 đoạn cây gỗ dài 2,53m; cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự ; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy vì các vật chứng không còn giá trị sử dụng ; đối với số vật chứng là: 1,44m³ đá tảng (đá nguyên khai) và 7,66m³ đá hộc đều là đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu sung quy nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 227; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b

khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 08/8/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn Thạch có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm: 03 chiếc búa tạ, cán bằng ống nhựa, đã qua sử dụng; 03 chiếc quốc, cán làm bằng gỗ, đã qua sử dụng; 01 chiếc xẻng, cán làm bằng gỗ, đã qua sử dụng; 01 chân dép bên phải, loại dép tổ ong, dính nhiều bùn đất; 01 đoạn cây gỗ dài 2,53m;

Tịch thu sung quy nhà nước đối với 1,44m³ đá tảng (*đá nguyên khai*) và 7,66m³ đá học đều là đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Y và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y)

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 6, khoản 1, khoản 3 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, Qn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bị cáo Nguyễn Văn Thạch phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự người có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- Sở Tư pháp tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- UBND thị trấn Y;
- VKSND huyện Y;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Y;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Y;
- Bị cáo;
- ĐD Bị hại;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Chiêu